



VACO AUDITING LIMITED COMPANY

4th Floor, No. 168 Lang Road, Dong Da, Hanoi

Tel: +84-4 3577 0781 / Fax: +84-4 3577 0787

Email: vacohn@vaco.com.vn

Website: www.vaco.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANAKA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Mẫn Ngọc Anh
Ông Mẫn Hồng Cần
Bà Nguyễn Thị Quế
Ông Đỗ Văn Cương
Ông Tạ Xuân Kiên
Ông Trần Vĩnh Hưng

Chức vụ

Chủ tịch
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Mẫn Ngọc Anh
Ông Mẫn Hồng Cần
Ông Tạ Xuân Kiên
Ông Bùi Kim Huy
Ông Trần Lục Xít
Ông Đặng Đình Tinh

Chức vụ

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

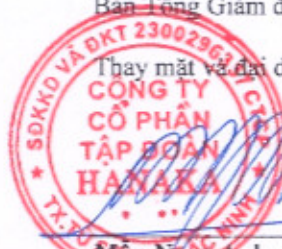
Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Mẫn Ngọc Anh
Tổng Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 20 tháng 06 năm 2014

Trần Lục Xít
Phó Tổng Giám đốc

Số: 278 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 20/06/2014 từ trang 04 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/03/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2014 và Thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/03/2014, Công ty chưa thu thập được các lịch trả nợ các khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả của các ngân hàng, do đó chúng tôi không có đủ căn cứ để xem xét việc phân loại và trình bày nợ dài hạn đến hạn trả trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/03/2014 của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/03/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Như trình bày tại thuyết minh số 8 và thuyết minh số 16, trong năm Công ty đã thực hiện chuyển nhượng giá trị vốn góp tại Công ty Cổ phần Rexam Hanacans cho Công ty Cổ phần Sản xuất dây điện từ Hanaka và các cá nhân với tổng giá trị chuyển nhượng là 189.239.729.012 đồng, tương ứng với 18.923.973 cổ phần. Tuy nhiên tại thời điểm ngày 31/03/2014 Công ty chưa thu được tiền của tổ chức và các cá nhân. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty Cổ phần Sản xuất dây điện từ Hanaka và các cá nhân nhận chuyển nhượng cổ phần đã thanh toán được 170.077.000.000 đồng tương đương với 89,9% số tiền phải thu do bán cổ phần nêu trên.



Nguyễn Minh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐK HN Kiểm toán số: 0294-2013-156-1

Chữ Mạnh Hoan
Kiểm toán viên
Giấy CNĐK HN Kiểm toán số: 1403-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 20 tháng 06 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014

MÃ SỐ B 01 - DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2014	01/04/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		1.209.376.576.604	1.147.115.281.147
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	65.471.147.083	7.158.410.130
1. Tiền	111		65.471.147.083	7.158.410.130
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		960.091.858.678	892.374.642.337
1. Phải thu khách hàng	131	6	242.787.859.253	147.743.049.271
2. Trả trước cho người bán	132		45.770.047.796	41.738.563.356
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	7	378.146.441.497	580.342.567.203
4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135	8	293.387.510.132	122.550.462.507
III. Hàng tồn kho	140	9	176.683.271.656	235.256.366.275
1. Hàng tồn kho	141		176.683.271.656	235.256.366.275
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.130.299.187	12.325.862.405
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	635.246.212	597.442.808
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.360.644.959	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		101.903.219	167.636.156
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	4.032.504.797	11.560.783.441
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+240+250+260)	200		1.229.712.073.063	1.265.667.469.015
I. Tài sản cố định	220		465.877.149.091	302.131.112.168
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	51.621.272.655	48.171.042.697
- Nguyên giá	222		106.757.424.859	97.320.955.694
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(55.136.152.204)	(49.149.912.997)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	1.124.474.926	1.184.413.978
- Nguyên giá	228		1.463.337.543	1.463.337.543
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(338.862.617)	(278.923.565)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14	413.131.401.510	252.775.655.493
II. Bất động sản đầu tư	240	15	28.853.886.884	29.400.099.002
- Nguyên giá	241		29.483.053.545	29.937.599.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(629.166.661)	(537.499.998)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		724.039.746.369	918.289.994.043
1. Đầu tư vào công ty con	251	16	653.558.846.266	848.257.896.543
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	17	400.000.000	400.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	18	70.080.900.103	69.632.097.500
IV. Tài sản dài hạn khác	260		10.941.290.719	15.846.263.802
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	19	10.881.290.719	15.786.263.802
2. Tài sản dài hạn khác	268		60.000.000	60.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.439.088.649.667	2.412.782.750.162

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014

MẪU SỐ B 01 - DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2014	01/04/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.375.547.642.553	1.363.737.236.775
I. Nợ ngắn hạn	310		992.295.096.805	1.030.115.801.502
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	20	437.792.456.946	441.366.172.859
2. Phải trả người bán	312	21	71.862.236.801	250.210.824.006
3. Người mua trả tiền trước	313		2.478.288.808	19.809.652.666
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		26.819.420	5.856.980.323
5. Phải trả người lao động	315		1.740.553.200	1.815.807.474
6. Chi phí phải trả	316		4.901.602.325	4.429.843.846
7. Phải trả nội bộ	317	22	469.700.070.407	302.952.369.448
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	23	3.793.068.898	3.674.150.880
II. Nợ dài hạn	330		383.252.545.748	333.621.435.273
1. Phải trả dài hạn khác	333	24	52.307.245.469	119.489.710.469
2. Vay và nợ dài hạn	334	25	329.942.152.598	214.039.452.598
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		1.003.147.681	92.272.206
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		1.063.541.007.114	1.049.045.513.387
I. Vốn chủ sở hữu	410	26	1.063.541.007.114	1.049.045.513.387
1. Vốn điều lệ	411		766.111.437.372	766.111.437.372
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		136.107.750.000	136.107.750.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
4. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế chưa phân phối	420		161.321.819.742	146.826.326.015
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		2.439.088.649.667	2.412.782.750.162

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Ngoại tệ các loại

Tiền gửi USD

13.645,00

187.649,00

Tiền gửi EUR

203,00

220,00



Mẫn Ngọc Anh
Tổng Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 20 tháng 06 năm 2014

Trần Lục Xít
Phó Tổng Giám đốc

Trần Thị Thanh Huyền
Phụ trách kế toán

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2014

Mẫu số B 02 - DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	27	2.647.795.480.302	2.337.045.828.298
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		71.999.999	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	27	2.647.723.480.303	2.337.045.828.298
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	2.543.027.933.430	2.262.924.505.462
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		104.695.546.873	74.121.322.836
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	8.941.493.736	46.664.156.221
7. Chi phí tài chính	22	30	64.476.643.915	67.555.652.952
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		60.455.575.932	64.544.594.395
8. Chi phí bán hàng	24		7.013.945.123	11.720.923.533
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		29.200.932.329	34.219.518.156
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		12.945.519.242	7.289.384.416
11. Thu nhập khác	31		34.755.158.179	12.928.373.139
12. Chi phí khác	32		33.051.035.506	1.627.960.191
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	31	1.704.122.673	11.300.412.948
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		14.649.641.915	18.589.797.364
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	32	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		14.649.641.915	18.589.797.364
17. Lãi (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	33	191	243



Mãn Ngọc Anh
Tổng Giám đốc
Bắc Ninh, ngày 20 tháng 06 năm 2014

Trần Lục Xít
Phó Tổng Giám đốc

Trần Thị Thanh Huyền
Phụ trách kế toán

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2014

Mẫu số B 03 - DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	14.649.641.915	18.589.797.364
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	2	6.531.030.382	8.430.094.010
Các khoản dự phòng	3	-	(365.073.690)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	1.600.388.455	(207.333.933)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(3.916.276.621)	(42.378.596.912)
Chi phí lãi vay	6	60.455.575.932	64.544.594.395
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	79.320.360.063	48.613.481.234
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9	(62.483.849.719)	(142.423.550.746)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	58.573.094.619	66.199.670.859
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(233.298.218.850)	60.758.551.402
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	4.867.169.679	8.016.015.177
Tiền lãi vay đã trả	13	(60.455.575.932)	(64.544.594.395)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(36.041.935)	(1.373.574.264)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	260.977.739
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(10.019.427.541)	(1.374.096.026)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(223.532.489.616)	(25.867.119.020)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(28.822.081.813)	(46.180.906.774)
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(448.802.876)	(280.301.060.331)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	269.732.429.269
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.916.276.621	42.378.596.912
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	169.344.442.482	(14.370.940.924)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	866.854.425.994	858.160.265.253
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(754.353.641.907)	(820.337.510.279)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	112.500.784.087	37.822.754.974
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	58.312.736.953	(2.415.304.970)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	7.158.410.130	9.567.358.905
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	6.356.195
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	65.471.147.083	7.158.410.130

Thông tin phi tiền tệ

Trong năm Công ty đã thu hồi khoản đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần sản xuất dây điện từ Hanaka với giá trị là 32.259.321.265 đồng và đã thực hiện chuyển nhượng lại tài sản này cho Công ty Cổ phần sản xuất dây điện từ Hanaka đang được bù trừ với khoản công nợ phải thu. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2014

Trong năm Công ty đã thực hiện chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Rexam Hanacans với giá trị là 189.239.729.012 đồng cho tổ chức và các cá nhân chưa thu được tiền chuyển nhượng cổ phần. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.



Mẫn Ngọc Anh
Tổng Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 20 tháng 06 năm 2014

Trần Lục Xít
Phó Tổng Giám đốc

Trần Thị Thanh Huyền
Phụ trách kế toán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka (gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 2300296337 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 14 tháng 2 năm 2007, thay đổi lần thứ 10 ngày 05 tháng 08 năm 2011. Vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 1.100.000.000.000 đồng (Một nghìn một trăm tỷ đồng).

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh gồm:

Cổ đông	Vốn điều lệ góp theo đăng ký kinh doanh			Vốn điều lệ thực góp đến ngày 31/03/2014	
	Số CP	VND	%	VND	%
Công ty TNHH Hồng Ngọc	65.269.400	652.694.000.000	59,34	488.449.307.372	44,40
Mẫn Ngọc Anh	18.583.400	185.834.000.000	16,89	186.334.000.000	16,94
Đặng Đình Tinh	-	-	-	33.691.030.000	3,06
Các cổ đông khác	26.147.200	261.472.000.000	23,77	57.637.100.000	5,24
Tổng cộng	110.000.000	1.100.000.000.000	100,0	766.111.437.372	69,6

Trụ sở theo Giấy chứng nhận đầu tư: Khu công nghiệp Hanaka - Thị xã Từ Sơn - Bắc Ninh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/03/2014 là 163 người (tại ngày 31/03/2013 là 178 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất các loại máy biến áp phân phối dầu, máy biến áp phân phối khô có điện áp đến 35K.V, công suất từ 10KVA đến 30.000KVA;
- Sản xuất các loại máy biến áp truyền tải có điện áp từ 110K.V đến 220K.V, công suất từ 25MVA đến 450MVA;
- Sản xuất bán thành phẩm máy biến áp: xẻ băng, cắt chéo lõi tôn silic, vỏ tải nhiệt máy biến áp phân phối dạng cánh sóng và vỏ máy biến áp truyền tải đến 220KV;
- Sản xuất tủ điện, bảng điện trung, hạ thế có điện áp tới 35KV;
- Sản xuất các loại trạm biến áp trọn bộ kiểu kiot có điện áp tới 35K.V;
- Sản xuất các loại dây đồng tròn trần và tráng sơn cách điện kỹ thuật điện đường kính từ 0,1 đến 8 và 12,5 (mm);
- Sản xuất các loại dây nhôm kỹ thuật điện đường kính từ 1 đến 9,5mm;
- Dây và cáp nhôm trần, đồng trần, dây nhôm trần lõi thép có tiết diện đến 1200mm², điện áp đến 500KV;
- Sản xuất cáp điện ngầm trung, hạ thế lõi đồng/nhôm điện áp đến 35KV, cáp ngầm siêu cao áp đến 220KV bọc PVC/XLPE (gồm cả vặn xoắn, bọc thép, chống thấm);
- Sản xuất dây điện dân dụng, cáp điều khiển, cáp thông tin;
- Sản xuất các loại cáp điện chống cháy nổ, chống nhiễm mặn, chống thấm, các thiết bị điện phục vụ cho ngành đóng tàu và khai thác khoáng sản;
- Sản xuất dây đồng dẹt dạng trần và tráng sơn cách điện, bọc giấy, đồng thanh cái, đồng ống, đầu cột (các sản phẩm bằng đồng);
- Đúc các linh kiện đồng, nhôm dùng cho nhà máy biến áp, dây cáp điện, công tắc cầu dao, cầu chì, máy ngắt, tủ bảng điện;
- Sản xuất các cầu dao, máy cắt, cầu chì;
- Sản xuất các phụ tùng, phụ kiện đường dây và trạm biến áp có điện áp tới 500KV;
- Sản xuất xi măng;
- Khai thác và chế biến khoáng sản;
- Sản xuất các loại kim loại;
- Đầu tư thủy điện, nhiệt điện, kinh doanh mua bán điện;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, máy móc thiết bị, dụng cụ, phụ tùng, phụ kiện phục vụ cho sản xuất thiết bị điện và các ngành công nghiệp, điện lực, nông nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng;
- Xây lắp các đường dây và trạm biến áp có điện áp tới 330KV;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, công nghiệp, nông nghiệp, san lấp mặt bằng;
- Sửa chữa, bảo hành các loại máy biến áp phân phối dầu, máy biến áp phân phối khô có điện áp tới 35KV, công suất từ 10KVA đến 30.000KVA;
- Sửa chữa, bảo hành các loại máy biến áp truyền tải có điện áp từ 110KV đến 220KV, công suất từ 25MVA đến 450MVA;
- Sửa chữa, bảo hành máy móc thiết bị, linh kiện trong các lĩnh vực điện, công nghiệp, giao thông vận tải và xây dựng;
- Kinh doanh, đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp; Kinh doanh môi giới, đầu giá bất động sản;
- Sản xuất kinh doanh bao bì, đồ hộp cho ngành ăn uống, bia rượu;
- Kinh doanh siêu thị, làm đại lý bán vé máy bay, vé tàu xe, đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Kinh doanh các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, sắc đẹp, tắm quất, xông hơi, xoa bóp, bấm huyệt, vật lý trị liệu;
- Cho thuê bãi đỗ xe, nhà xưởng sản xuất, kho tàng phương tiện vận tải và máy móc thiết bị;
- Tháo dỡ công trình dân dụng, công nghiệp;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng;
- Cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại), cho thuê văn phòng;
- Kinh doanh khu vui chơi, giải trí;
- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm từ cao su, bột cao su, nhựa đường;
- Mua bán, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hanaka cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2014 được lập trên cơ sở cộng hợp số liệu của Báo cáo tài chính của Công ty và Trung tâm thương mại Hồng Kông.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm hàng năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2014.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Công ty mẹ nắm trên 50% quyền kiểm soát. Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc trên bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tại ngày 31/03/2014, một số khoản công nợ phải thu ngắn hạn của Công ty đã quá hạn thanh toán, tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá các khoản công nợ này vẫn có khả năng thu hồi trong thời gian tới, do đó Công ty chưa trích lập dự phòng đối với các khoản công nợ đã quá hạn thanh toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị quản lý được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng kỳ như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	08 - 50
Máy móc thiết bị	07 - 12
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định khác	03 - 05

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, phụ tùng, các dụng cụ hành chính và các công cụ dụng cụ phục vụ thi công tại các công trình. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hàng kỳ theo tỷ lệ % hàng tháng, thời gian phân bổ vào chi phí tối đa là ba năm.

Các khoản giao dịch nội bộ trong tập đoàn

Các khoản công nợ phát sinh giữa Công ty với các công ty con trong cùng Tập đoàn: Công ty đang theo dõi và trình bày trên khoản mục phải thu nội bộ, phải trả nội bộ phục vụ cho mục đích quản trị của Tập đoàn.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính, theo đó:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật và được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Công ty được hưởng ưu đãi Thuế suất thuế TNDN là 20% áp dụng đối với thu nhập chịu thuế của hoạt động sản xuất trong thời hạn 10 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh của Nhà máy Thiết bị Điện Hanaka (năm 2002) và được miễn thuế TNDN trong 02 năm và giảm 50% trong 05 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế đối với hoạt động sản xuất. Năm 2005 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2014	01/04/2013
	VND	VND
Tiền mặt	539.164.963	904.774.851
Tiền gửi ngân hàng	64.931.982.120	6.253.635.279
Cộng	65.471.147.083	7.158.410.130

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/03/2014	01/04/2013
	VND	VND
Ban Quản lý các dự án công trình điện Miền Trung	170.612.997	8.567.474.289
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	136.004.485.577	40.958.814.228
Tổng Công ty Bía Rượu - NGK Sài Gòn	20.928.510.613	54.206.082.480
Ban Quản lý các dự án công trình điện Miền Bắc	16.850.489.624	5.677.943.253
Công ty Điện lực Lai Châu	24.927.636	3.029.703.200
Công ty Điện lực Cầu Giấy	4.153.008.750	11.282.775.900
Công ty Cổ phần Địa ốc cấp điện Thịnh Phát	5.451.582.091	5.751.582.091
Ban Quản lý dự án cải thiện môi trường đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc	3.779.471.116	7.265.613.021
Tổng Công ty điện lực TP. Hà Nội	17.241.940.593	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (PC3)	17.138.793.746	24.540.973
Các đối tượng khác	21.044.036.510	10.978.519.836
	242.787.859.253	147.743.049.271

7. PHẢI THU NỘI BỘ NGẮN HẠN

	31/03/2014	01/04/2013
	VND	VND
Công ty TNHH Hồng Ngọc	314.905.086.963	234.035.664.746
Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế và Xây dựng Công nghiệp HANAKA	18.463.561.398	6.382.314.291
Công ty Cổ phần Sản xuất dây điện từ Hanaka	38.000.000.000	-
Công ty Cổ phần REXAM A.B.M	-	237.948.972.475
Công ty Cổ phần cấp điện Hanaka - Korea	-	95.452.720.861
Công ty Cổ phần bao bì Hanaka A.B.M	6.777.793.136	6.522.894.830
	378.146.441.497	580.342.567.203

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2014	01/04/2013
	VND	VND
Xuất đời MBA, bảo hành	1,145,457,123	1,502,557,124
Mẫn Ngọc Anh	126,737,465,078	107,174,593,358
Mẫn Thị Mai	362,375,000	362,375,000
Kinh phí công đoàn nộp thừa	779,192,578	504,198,682
Quỹ khen thưởng phúc lợi chi quá	340,540,781	149,465,000
Góp vốn Vũ Hoài Nam (i)	12,685,000,000	12,685,000,000
Phải thu tiền bán cổ phần cho các cá nhân (ii)	151,239,729,012	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	97,750,560	172,273,343
	293,387,510,132	122,550,462,507

Ghi chú:

- (i) Do khoản tiền góp vốn đầu tư với Ông Vũ Hoài Nam chưa hoàn thiện các hồ sơ pháp lý liên quan nên Công ty đang theo dõi trên khoản công nợ phải thu khác.
- (ii) Phải thu tiền bán cổ phần cho các cá nhân là số tiền Công ty đã chuyển nhượng lại số cổ phần do Công ty đang sở hữu tại Công ty Cổ phần Rexam Hanacans cho các cá nhân.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/03/2014</u>	<u>01/04/2013</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	3.524.013	3.524.013
Nguyên liệu, vật liệu	78.936.417.071	111.480.090.706
Công cụ, dụng cụ	1.219.396.108	1.018.840.413
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	59.095.803.824	52.518.606.481
Thành phẩm	36.779.581.561	40.660.244.202
Hàng hoá	648.549.079	29.575.060.460
Cộng	<u>176.683.271.656</u>	<u>235.256.366.275</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho	<u>176.683.271.656</u>	<u>235.256.366.275</u>

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>31/03/2014</u>	<u>01/04/2013</u>
	VND	VND
Số đầu năm	597.442.808	5.114.411.416
- Số tăng trong năm	613.363.262	1.276.213.268
- Phân bổ vào chi phí trong năm	(575.559.858)	(5.793.181.876)
Số dư cuối năm	<u>635.246.212</u>	<u>597.442.808</u>

11. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/03/2014</u>	<u>01/04/2013</u>
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	580.342.327	1.073.842.553
Tạm ứng cho nhân viên	1.124.607.308	1.216.059.385
Cầm cố, ký cược ký quỹ ngắn hạn	2.327.555.162	9.270.881.503
	<u>4.032.504.797</u>	<u>11.560.783.441</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu B 09-DN

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ						
Tại ngày 01/04/2013	37.369.911.387	49.038.138.452	8.716.229.653	1.189.110.223	1.007.565.979	97.320.955.694
Tăng do mua sắm	-	9.986.394.283	-	73.850.000	25.723.636	10.085.967.919
Tăng khác (i)	-	32.259.321.265	-	-	-	32.259.321.265
Phân loại theo Thông tư 45	(92.809.314)	(391.565.977)	-	(140.759.826)	-	(625.135.117)
Giảm khác (i)	-	(32.283.684.902)	-	-	-	(32.283.684.902)
Tại ngày 31/03/2014	37.277.102.073	58.608.603.121	8.716.229.653	1.122.200.397	1.033.289.615	106.757.424.859
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/04/2013	7.118.991.143	36.752.469.491	3.370.476.840	1.107.487.633	800.487.890	49.149.912.997
Khấu hao trong năm	1.131.224.640	4.740.266.455	563.372.727	36.227.508	-	6.471.091.330
Phân loại theo Thông tư 45	(65.871.109)	(303.045.866)	-	(98.141.833)	-	(467.058.808)
Giảm khác	-	-	(17.793.315)	-	-	(17.793.315)
Tại ngày 31/03/2014	8.184.344.674	41.189.690.080	3.916.056.252	1.045.573.308	800.487.890	55.136.152.204
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/04/2013	30.250.920.244	12.285.668.961	5.345.752.813	81.622.590	207.078.089	48.171.042.697
Tại ngày 31/03/2014	29.092.757.399	17.418.913.041	4.800.173.401	76.627.089	232.801.725	51.621.272.655

Ghi chú: (i) Tài sản cố định tăng, giảm khác trong năm là giá trị tài sản Công ty đã góp vốn vào Công ty Cổ phần Sản xuất Dây điện từ Hanaka được thu hồi trong năm và đã bán lại tài sản này cho Công ty Cổ phần Sản xuất Dây điện từ Hanaka.

Hầu hết các tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị đang được Công ty đem đi thế chấp cho các khoản vay tại các Ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản cố định đã hết khấu hao đang sử dụng tại ngày 31/3/2014 là 30.132.750.735 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/04/2013	1.309.097.613	154.239.930	1.463.337.543
Tăng trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/03/2014	1.309.097.613	154.239.930	1.463.337.543
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/04/2013	178.667.591	100.255.974	278.923.565
Khấu hao trong năm	29.091.060	30.847.992	59.939.052
Tại ngày 31/03/2014	207.758.651	131.103.966	338.862.617
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/04/2013	1.130.430.022	53.983.956	1.184.413.978
Tại ngày 31/03/2014	1.101.338.962	23.135.964	1.124.474.926

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN

	31/03/2014	01/04/2013
	VND	VND
Mua sắm TSCĐ	121.123.667.323	9.124.136.854
Nhà xưởng cấp mở rộng	19.224.000.001	-
Khu công nghiệp, đô thị và dịch vụ Hanaka	170.985.208.706	141.939.386.895
Nhà xưởng tập đoàn Hanaka	3.996.412.760	3.996.412.760
Xưởng máy biến áp truyền tải	94.187.855.870	94.113.494.962
Chi phí xây dựng khác	54.117.086	1.976.942.050
Xưởng Hatachi	3.560.139.764	1.625.281.972
	413.131.401.510	252.775.655.493

Biến động chi phí xây dựng cơ bản trong năm

	31/03/2014	01/04/2013
	VND	VND
Số đầu năm	252.775.655.493	120.812.610.369
- Số tăng trong kỳ	221.901.582.017	138.079.939.705
- Kết chuyển tăng tài sản	-	(3.988.921.621)
- Giảm khác	(61.545.836.000)	(2.127.972.960)
Số dư cuối năm	413.131.401.510	252.775.655.493

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa và quyền sử dụng đất	Tổng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/04/2013	29.937.599.000	29.937.599.000
Thanh lý	(454.545.455)	(454.545.455)
Tại ngày 31/03/2014	29.483.053.545	29.483.053.545
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/04/2013	537.499.998	537.499.998
Trích khấu hao trong năm	91.666.663	91.666.663
Tại ngày 31/03/2014	629.166.661	629.166.661
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/04/2013	29.400.099.002	29.400.099.002
Tại ngày 31/03/2014	28.853.886.884	28.853.886.884

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	31/03/2014		01/04/2013	
	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ	VND
Công ty Cổ phần sản xuất dây điện từ Hanaka	100,0%	163.994.459.241	100,0%	196.253.780.506
Công ty Cổ phần Rexam A.B.M	76,1%	186.631.550.524	59,6%	159.831.550.524
Công ty Cổ phần Cấp điện Hanaka Korea	99,8%	268.374.016.501	99,8%	268.374.016.501
Công ty Cổ phần Rexam Hanacans (i)	12,4%	34.558.820.000	80,2%	223.798.549.012
		653.558.846.266		848.257.896.543

Ghi chú: (i) Trong năm Công ty đã thực hiện chuyển nhượng giá trị vốn góp tại Công ty Cổ phần Rexam Hanacans cho Công ty Cổ phần Sản xuất dây điện từ Hanaka và các cá nhân với tổng giá trị chuyển nhượng là 189.239.729.012 đồng, tương ứng với 18.923.973 cổ phần. Việc chuyển nhượng cổ phần cho tổ chức và các cá nhân đã hoàn thiện các thủ tục chuyển nhượng cổ phần, tuy nhiên Công ty chưa thu được tiền của tổ chức, các cá nhân và đang được trình bày trên khoản phải thu nội bộ với số tiền là 38.000.000.000 đồng và phải thu ngắn hạn khác với số tiền là 151.239.729.012 đồng.

17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/03/2014	01/04/2013
	VND	VND
Công ty CP XD Công nghiệp Hanaka	400.000.000	400.000.000
Cộng	400.000.000	400.000.000

18. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/03/2014	01/04/2013
	VND	VND
Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty TNHH Hồng Ngọc để xây dựng Trung tâm Thương mại Hồng Kông	60.000.000.000	60.000.000.000
Mua CP của Công ty CP Thiết bị điện	9.632.097.500	9.632.097.500
Mua cổ phiếu Ngân hàng BIDV	448.802.603	-
Cộng	70.080.900.103	69.632.097.500

19. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/03/2014	01/04/2013
	VND	VND
Số đầu năm	15.786.263.802	19.285.310.371
- Số tăng trong năm	2.859.458.389	3.470.133.834
- Phân bổ vào chi phí trong năm	(4.430.670.047)	(6.823.906.898)
- Giảm khác	(3.333.761.425)	(145.273.505)
Số dư cuối năm	10.881.290.719	15.786.263.802

Chi tiết số dư như sau:

	31/03/2014	01/04/2013
	VND	VND
Giá trị lợi thế kinh doanh (i)	7.907.994.908	10.658.601.833
Chi phí khác	2.973.295.811	5.127.661.969
Cộng	10.881.290.719	15.786.263.802

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN (Tiếp theo)

Ghi chú: (i) Giá trị lợi thế kinh doanh là giá trị lợi thế được xác định khi chuyển đổi Nhà máy thiết bị điện Hanaka sang Công ty Cổ phần tập đoàn Hanaka theo Văn bản số 127/TĐG-KQ ngày 12/02/2007 và Công văn số 38N/TĐG-CV ngày 03/04/2007 của Trung tâm Thẩm định giá - Bộ Tài chính và đã được các cổ đông sáng lập thông qua theo Biên bản họp ngày 12/02/2007. Công ty phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh này trong thời gian 10 năm theo phương pháp đường thẳng.

20. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/03/2014	01/04/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn VND	294.288.102.345	268.881.067.958
Ngân hàng NN&PTNT Bắc Ninh	121.370.525.189	120.975.433.195
Ngân hàng ĐT&PT VN Phòng GD6-SGD	172.917.577.156	147.905.634.763
Vay ngắn hạn ngoại tệ	143.504.354.601	172.485.104.901
Ngân hàng NN & PTNT Bắc Ninh	-	69.580.065.618
Ngân hàng ĐT&PT VN Phòng GD6-SGD	143.504.354.601	102.905.039.283
Vay ngắn hạn khác	-	-
Cộng	437.792.456.946	441.366.172.859

Hợp đồng tín dụng số 2600 - LAV - 201300771 ngày 14/11/2013 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Bắc Ninh. Hạn mức tín dụng 250.000.000.000 đồng. Thời hạn vay cụ thể của mỗi lần giải ngân, được ghi trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa 6 tháng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay VND là 20%/năm và USD, EUR là 8%/năm, điều chỉnh lãi 1 tháng 1 lần. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định của Công ty.

Hợp đồng hạn mức tín dụng và bảo lãnh số 01/175407/2012/HĐTDHM ngày 27/09/2012 và Phụ lục hợp đồng sửa đổi số 01/175407/PLHĐ TDHM ngày 05/07/2013 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1. Hạn mức tín dụng là 392.000.000.000 đồng trong đó mức dư nợ không quá 270.000.000.000 đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động thanh toán tiền mua nguyên vật liệu sản xuất dây cáp điện. Thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Lãi suất được xác định tại các hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể. Bảo đảm tiền vay là thế chấp, cầm cố tài sản của Công ty theo các Hợp đồng cầm cố, thế chấp đã ký kết với ngân hàng; uy tín và năng lực tài chính của Công ty; toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác; và thế chấp tài sản hình thành theo các hợp đồng nhập khẩu, hợp đồng mua bán trong nước bằng nguồn vốn tự có của Công ty và nguồn vốn vay BIDV bao gồm: nguyên vật liệu tồn kho, nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất, bán thành phẩm, thành phẩm và quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng kinh tế cung cấp sản phẩm của Công ty.

21. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/03/2014	01/04/2013
	VND	VND
Công ty CP Kinh doanh vật tư Vinametal	32.030.890.948	153.586.141.784
JFE SHOJI STEEL VIET NAM CO LTD(JSSV)	3.467.411.750	4.055.326.667
SUMITOMO CORPORATION TAIWAN LTD	-	31.315.773.415
Baosteel Singapore PTE LTD	-	11.584.223.939
TOYOTA TSUSHO (SINGAPORE) PTE., LTD	-	34.419.763.484
GLENCORE INTERNATIONAL AG.	12.094.756.732	-
Các đối tượng khác	24.269.177.371	15.249.594.717
	71.862.236.801	250.210.824.006

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. PHẢI TRẢ NỘI BỘ

	<u>31/03/2014</u>	<u>01/04/2013</u>
	VND	VND
Cty CP tư vấn thiết kế và XD Công nghiệp HANAKA	17.826.766.722	-
Công ty cổ phần Rexam Hanacans	239.908.942.998	265.343.654.049
Công ty cổ phần REXAM A.B.M	161.172.637.447	-
Công ty cổ phần cáp điện Hanaka - Korea	30.613.962.019	-
Công ty cổ phần sản xuất dây điện từ Hanaka	20.177.761.221	37.608.715.399
	<u>469.700.070.407</u>	<u>302.952.369.448</u>

23. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/03/2014</u>	<u>01/04/2013</u>
	VND	VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	1.214.709.668	1.215.949.791
Kinh phí công đoàn	-	-
Bảo hiểm xã hội	152.835.800	72.704.375
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	124.710.000	124.710.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.300.813.430	2.168.514.508
Bao gồm:		
Số dư có phải thu khác	549.010.102	500.983.386
Tiền đặt cọc của nhân viên	566.450.000	570.450.000
Công ty TNHH SEIYO Việt Nam	378.266.667	378.266.667
Các khoản phải trả khác	807.086.661	718.814.455
Cộng	<u>3.793.068.898</u>	<u>3.674.150.880</u>

24. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	<u>31/03/2014</u>	<u>01/04/2013</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần bao bì Hanaka A.B.M	28.469.710.469	28.469.710.469
Công ty TNHH Hồng Ngọc	13.797.535.000	-
Công ty CP Kinh doanh vật tư Vinametal	-	81.000.000.000
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	10.040.000.000	10.020.000.000
Cộng	<u>52.307.245.469</u>	<u>119.489.710.469</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/03/2014	01/04/2013
	VND	VND
Vay Ngân hàng		
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - PGD 6	149.792.000.000	106.000.000.000
Ngân hàng NN và PTNT tỉnh Bắc Ninh	108.039.452.598	108.039.452.598
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch I	72.110.700.000	-
	329.942.152.598	214.039.452.598

Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01-2009/HANAKA-SGD/HĐTĐH ngày 31/07/2009 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Sở giao dịch. Hạn mức tín dụng là tổng số tiền gốc bằng VND tối đa tương ứng 7.609.805 USD. Mục đích vay là sử dụng thanh toán tiền mua cổ phần Công ty Cổ phần Hanaka Iljin. Thời hạn vay là 72 tháng. Lãi suất được tính bằng tổng 3%/năm và lãi suất tham chiếu (là lãi suất huy động tiết kiệm dân cư bằng tiền VND kỳ hạn 12 tháng). Bảo đảm tiền vay là cầm cố toàn bộ quyền góp vốn pháp nhân mới sau khi mua lại Công ty Cổ phần Hanaka Iljin; 8.583.400 cổ phần của Ông Mẫn Ngọc Anh tại Công ty Cổ phần Hanaka; thế chấp tài sản của bên thứ 3 là 55,78 m² và tài sản gắn liền trên đất của Ông Mẫn Ngọc Anh và vợ là Bà Lê Thu Hà tại số 206 phố Đội Cấn, phường Đội Cấn - quận Ba Đình, Hà Nội; tài sản gắn liền trên đất thuê 50 năm của Công ty Cổ phần Hanaka tại 208 Đội Cấn, phường Đội Cấn - quận Ba Đình, Hà Nội.

Hợp đồng tín dụng số 2600 - LAV- 201000305 ngày 19/05/2010 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Bắc Ninh. Hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương. Mục đích vay là bổ sung chi phí bồi thường, hỗ trợ, giải tỏa, giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu Công nghiệp Hanaka. Thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất cho vay VND là 15,3% và USD, EUR là 7,5%, điều chỉnh lãi 3 tháng 1 lần. Bảo đảm tiền vay là các tài sản hình thành trong tương lai tại Khu công nghiệp Hanaka của Công ty.

Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/175407/2013/HĐTDDH ngày 29/10/2013 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch I, số tiền vay là 67.589.535.000 đồng. Mục đích vay là phục vụ cho hoạt động đầu tư máy móc thiết bị thuộc dự án Đầu tư, mở rộng nhà xưởng, mua sắm máy móc thiết bị sản xuất dây và cáp điện của Công ty. Thời hạn vay là 07 năm. Lãi suất cho vay VND là 12,5%, điều chỉnh lãi 3 tháng 1 lần. Bảo đảm tiền vay là toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ vốn vay của dự án.

Hợp đồng tín dụng dài hạn số 03.175407/2013/HĐTDDH ngày 29/11/2013 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch I, số tiền vay là 3.500.000.00 USD. Mục đích vay là phục vụ cho hoạt động đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất. Thời hạn vay đến hết ngày 10/10/2021. Lãi suất cho vay USD là 8,5%, điều chỉnh lãi 3 tháng 1 lần. Bảo đảm tiền vay là toàn bộ các tài sản hình thành từ vốn vay của dự án đứng tên Công ty Cổ phần Cấp điện Hanaka Korea.

Công ty đang đàm phán về lịch trả nợ của các khoản vay dài hạn nên chưa thực hiện phân loại nợ dài hạn đến hạn trả trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/03/2014. Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty có thể được gia hạn cũng như có đủ nguồn chi trả các khoản nợ đến hạn theo lịch trả nợ thống nhất với ngân hàng trong thời gian tới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Mẫu B 09-DN

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 31/03/2012	766.111.437.372	136.107.750.000	(755.657.336)	134.715.292.678	1.036.178.822.714
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	18.589.797.364	18.589.797.364
Tăng khác	-	-	755.657.336	584.287	756.241.623
Giảm khác	-	-	-	(6.479.348.314)	(6.479.348.314)
Số dư tại ngày 31/03/2013	766.111.437.372	136.107.750.000	-	146.826.326.015	1.049.045.513.387
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	14.649.641.915	14.649.641.915
Tăng khác	-	-	-	-	-
Tăng/Giảm khác	-	-	-	(154.148.188)	(154.148.188)
Số dư tại ngày 31/03/2014	766.111.437.372	136.107.750.000	-	161.321.819.742	1.063.541.007.114

Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 10 ngày 05/08/2011, vốn điều lệ của Công ty là 1.100.000.000.000 đồng, vốn góp của các cổ đông đến ngày 31/03/2014 như sau:

Cổ đông	Số CP		Vốn điều lệ góp theo đăng ký kinh doanh		Vốn điều lệ thực góp đến ngày 31/03/2014	
			VND	%	VND	%
Công ty TNHH Hồng Ngọc	65.269.400		652.694.000.000	59,34	488.449.307.372	44,40
Mẫn Ngọc Anh	18.583.400		185.834.000.000	16,89	186.334.000.000	16,94
Đặng Đình Tĩnh	-		-		33.691.030.000	3,06
Các cổ đông khác	26.147.200		261.472.000.000	23,77	57.637.100.000	5,24
Tổng cộng	110.000.000		1.100.000.000.000	100,0	766.111.437.372	69,6

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm và hàng hoá	2.538.119.082.450	2.333.024.540.346
Doanh thu cung cấp dịch vụ	109.676.397.852	4.021.287.952
Cộng	2.647.795.480.302	2.337.045.828.298
Các khoản giảm trừ doanh thu	71.999.999	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	71.999.999	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.647.723.480.303	2.337.045.828.298

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm và hàng hóa đã bán	2.446.030.840.744	2.259.304.384.988
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	96.997.092.686	3.620.120.474
Cộng	2.543.027.933.430	2.262.924.505.462

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	522.348.840	464.864.086
Cổ tức, Lợi nhuận được chia	3.393.927.781	41.913.732.826
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.364.019.088	2.767.957.896
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.661.198.027	466.201.413
Lãi bán hàng trả chậm	-	1.051.400.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Cộng	8.941.493.736	46.664.156.221

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	60.455.575.932	64.544.594.395
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	3.892.005.279	2.311.742.311
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	60.809.572	673.535.346
Chi phí tài chính khác	68.253.132	25.780.900
Cộng	64.476.643.915	67.555.652.952

31. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi từ hoạt động góp vốn bằng tài sản	-	12.342.222.332
Thu từ thanh lý TSCĐ	32.255.498.305	-
Thu khác	2.499.659.874	586.150.807
Thu nhập khác	34.755.158.179	12.928.373.139
Chi phí thanh lý TSCĐ	32.259.321.265	-
Chi phí khác	791.714.241	1.627.960.191
Chi phí khác	33.051.035.506	1.627.960.191
Lợi nhuận khác	1.704.122.673	11.300.412.948

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	14.649.641.915	18.589.797.364
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(14.649.641.915)	(41.913.732.826)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	14.649.641.915	41.913.732.826
Bù lỗ các năm trước	11.255.714.134	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.393.927.781	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế	-	(23.323.935.462)
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Công ty đang xác định lợi tức kế toán tương đương với lợi tức tính thuế và chưa loại trừ các khoản chi phí không được trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.649.641.915	18.589.797.364
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	14.649.641.915	18.589.797.364
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	76.611.144	76.611.144
Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	191	243

34. CHI PHÍ VÀ NỢ TIỀM TÀNG

Tại ngày 31/3/2014, một số khoản công nợ ứng trước cho các nhà thầu xây dựng đã phát sinh từ thời điểm trước, tuy nhiên thời điểm hiện tại các nhà thầu không còn tiếp tục thực hiện công việc và Công ty chưa hoàn thiện được các hồ sơ nghiệm thu đối với những nhà thầu này. Do đó, chi phí xây dựng cơ bản có thể thay đổi khi Công ty quyết toán các chi phí đầu tư xây dựng cơ bản với các nhà thầu.

Công ty chưa thực hiện trích dự phòng bảo hành sản phẩm đối với các sản phẩm máy biến áp do Công ty sản xuất theo điều khoản thỏa thuận trong các hợp đồng cung cấp máy biến áp, giá trị bảo hành sản phẩm máy biến áp của Công ty tối đa là 5% giá trị hợp đồng trong thời gian từ 12 tháng đến 18 tháng. Căn cứ trên số liệu thống kê của Công ty thì hàng năm có phát sinh chi phí bảo hành liên quan và thường nhỏ hơn tỷ lệ chi phí bảo hành đã quy định trên hợp đồng. Do đó, Công ty đã quyết định không trích lập dự phòng và sẽ hạch toán thẳng chi phí bảo hành phát sinh hàng năm vào chi phí trong kỳ. Điều này có thể dẫn đến làm cho chi phí bảo hành phát sinh hàng năm không đều, tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng không ảnh hưởng đáng kể đến kết quả kinh doanh hàng năm của Công ty.

35. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thời điểm hiện tại, lĩnh vực kinh doanh của Công ty tập trung vào nhóm sản phẩm chính là kinh doanh các sản phẩm cáp điện, máy biến áp, bao bì kim loại và các sản phẩm điện khác. Các hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực khác chiếm tỷ trọng không đáng kể, theo đó Công ty chưa áp dụng lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Sản phẩm của Công ty chủ yếu được tiêu thụ tại cùng một khu vực địa lý, không có sự khác biệt đáng kể về lợi ích kinh tế hay chịu rủi ro, do đó Công ty chưa áp dụng lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/03/2014	01/04/2013
	VND	VND
Các khoản vay	767.734.609.544	655.405.625.457
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	65.471.147.083	7.158.410.130
Nợ thuần	702.263.462.461	648.247.215.327
Vốn chủ sở hữu	1.063.541.007.114	1.049.045.513.387
Hệ số nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,66	0,62

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	31/03/2014	01/04/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	65.471.147.083	7.158.410.130
Phải thu khách hàng và phải thu khác	536.175.369.385	270.293.511.778
Đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư dài hạn	724.039.746.369	918.289.994.043
Tài sản tài chính khác	-	-
Tổng cộng	1.325.686.262.837	1.195.741.915.951
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	767.734.609.544	655.405.625.457
Phải trả người bán và phải trả khác	127.962.551.168	373.374.685.355
Chi phí phải trả	4.901.602.325	4.429.843.846
Tổng cộng	900.598.763.037	1.033.210.154.658

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Tại thời điểm 31/12/2013, Công ty không có các khoản đầu tư cổ phiếu cho mục đích thương mại, theo đó Công ty không chịu ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Tại ngày 31/03/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	65.471.147.083	-	65.471.147.083
Phải thu khách hàng và phải thu khác	536.175.369.385	-	536.175.369.385
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	724.039.746.369	724.039.746.369
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Cộng	601.646.516.468	724.039.746.369	1.325.686.262.837
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	437.792.456.946	329.942.152.598	767.734.609.544
Phải trả người bán và phải trả khác	75.655.305.699	52.307.245.469	127.962.551.168
Chi phí phải trả	4.901.602.325	-	4.901.602.325
Cộng	518.349.364.970	382.249.398.067	900.598.763.037
Giá trị chênh lệch thanh khoản ròng	83.297.151.498	341.790.348.302	425.087.499.800
Tại ngày 01/04/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.158.410.130	-	7.158.410.130
Phải thu khách hàng và phải thu khác	270.293.511.778	-	270.293.511.778
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	918.289.994.043	918.289.994.043
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Cộng	277.451.921.908	918.289.994.043	1.195.741.915.951
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	441.366.172.859	214.039.452.598	655.405.625.457
Phải trả người bán và phải trả khác	253.884.974.886	119.489.710.469	373.374.685.355
Chi phí phải trả	4.429.843.846	-	4.429.843.846
Cộng	699.680.991.591	333.529.163.067	1.033.210.154.658
Giá trị chênh lệch thanh khoản ròng	(422.229.069.683)	584.760.830.976	162.531.761.293

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

37. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ

Như trình bày tại Thuyết minh số 16, trong năm Công ty đã chuyển nhượng phần lớn cổ phần do Công ty sở hữu tại Công ty Cổ phần Rexam Hanacans cho Công ty Cổ phần Sản xuất dây điện từ Hanaka và các cá nhân nhưng chưa thu được tiền của tổ chức và các cá nhân. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty Cổ phần Sản xuất dây điện từ Hanaka và các cá nhân nhận chuyển nhượng cổ phần đã thanh toán được 170.077.000.000 đồng tương đương với 89.9% số tiền phải thu do bán cổ phần.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2014 của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

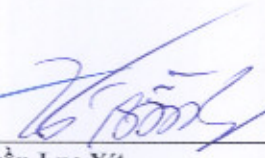
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

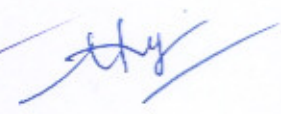
38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2013 đã được kiểm toán.




Mẫn Ngọc Anh
Tổng Giám đốc
Bắc Ninh, ngày 20 tháng 06 năm 2014


Trần Lục Xít
Phó Tổng Giám đốc


Trần Thị Thanh Huyền
Phụ trách kế toán